

CÔNG TY CỔ PHẦN VNG
VNG CORPORATION
Số/Ref: 18/2025/CBTT-VNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness
TP.HCM, ngày 5 tháng 5 năm 2025
Ho Chi Minh City, 5/5/2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty Cổ Phần VNG thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính riêng ("BCTC") quý I năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

In compliance with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance, guiding the disclosure of information on the securities market, VNG Corporation hereby announces the disclosure of its separate financial statement ("FS") for the Q1 of 2025 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức/ Organization Information:

- Mã chứng khoán/Securities Code: VNZ
- Địa chỉ/Address: Z06 Đường Số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh/
Z06, Street 13, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 3962388 Fax:
- Email:..... Website: <https://vng.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố/ Details of the Disclosed Information:

- BCTC quý I năm 2025/Financial Statement for Q1/2025:
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/
The Separate FS (Public Company without subsidiaries and an upper-level accounting unit
with dependent units) ☐
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)/ Consolidated FS (Public Company with
subsidiaries); ☒
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ ☐
Combined FS (Public Company with an accounting unit affiliated to its organizational
structure). ☐
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ Circumstances requiring explanations:
 - Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với
BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025)/ If the auditing organization provides
an opinion other than a fully accepted opinion on the FS (for audited FS in 2025):
☐ Có/Yes ☒ Không/No
Văn bản giải trình trong trường hợp tích "Có"/ Explanation letter in case of "Yes":
☐ Có/ Yes ☐ Không/No



- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025)/ *If net profit after tax in the reporting period shows a deviation of 5% or more before and after the audit, or changes from loss to profit or vice versa (for audited FS in 2025):*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation letter in case of "Yes":*

☐ Có/Yes

☐ Không/No

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ *If corporate income tax net profit in the income statement for the reporting period changes by 10% or more compared to the same period last year:*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation letter in case of "Yes":*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ *If net profit after tax in the reporting period incurs a loss, changing from profit in the same period last year to loss or vice versa:*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation letter in case of "Yes":*

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 5/5/2025 tại đường dẫn/ *This information has been disclosed on the company's website on 5/5/2025 at the following link: <https://vng.com.vn/news/shareholders/financial-statement-of-qi-2025.html>*



Tài liệu đính kèm/

Attachments:

- BCTC riêng quý

I/2025/Separate FS

Q1/2025

- Văn bản giải trình số/

Explanation Letter No.:

67/2025/CV-VNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

REPRESENTATIVE OF THE ORGANIZATION

AUTHORIZED PERSON FOR INFORMATION DISCLOSURE

(Signature, full name, title, and company seal)



TAN WEI MING

Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025



Công ty Cổ phần VNG

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 30

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06 Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Nhà sáng lập, Chủ tịch
Ông Vương Quang Khải	Thành viên
Bà Christina Gaw	Thành viên
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2025
Ông Phạm Văn Đô La	Thành viên	
Ông Vũ Thành Long	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc Digital Business
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc VNGGames
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

Công ty Cổ phần VNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình chuẩn bị báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc:



Wong Kelly Yin Hon
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 5 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.195.421.870.074	1.268.948.101.699
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	640.905.340.159	661.033.097.236
111	1. Tiền		365.905.340.159	661.033.097.236
112	2. Các khoản tương đương tiền		275.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		5.750.000.000	6.750.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	5	5.750.000.000	6.750.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		377.315.443.101	432.049.238.640
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	207.996.302.429	322.204.689.491
132	2. Trả trước người bán ngắn hạn		8.353.976.647	4.342.070.768
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	162.187.307.269	106.679.190.285
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(1.222.143.244)	(1.176.711.904)
140	IV. Hàng tồn kho		6.037.589.721	8.039.843.225
141	1. Hàng tồn kho	8	6.970.974.746	8.973.228.250
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(933.385.025)	(933.385.025)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		165.413.497.093	161.075.922.598
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	149.877.450.058	145.540.150.458
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.624.364	1.349.469
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		15.534.422.671	15.534.422.671
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.012.722.857.105	3.051.675.914.797
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.563.590.487	4.773.590.487
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	4.563.590.487	4.773.590.487
220	II. Tài sản cố định		564.810.299.157	596.220.358.981
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	498.537.881.905	511.389.221.106
222	Nguyên giá		892.993.336.570	893.171.471.297
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(394.455.454.665)	(381.782.250.191)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	66.272.417.252	84.831.137.875
228	Nguyên giá		738.852.017.156	738.597.287.156
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(672.579.599.904)	(653.766.149.281)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		53.569.980.825	46.091.610.825
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	53.569.980.825	46.091.610.825
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	2.282.932.361.063	2.297.908.754.512
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	6.934.812.611.378	6.843.762.611.378
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	1.261.649.300.772	1.261.649.300.772
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12	(5.913.529.551.087)	(5.807.503.157.638)
260	V. Tài sản dài hạn khác		106.846.625.573	106.681.599.992
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	106.846.625.573	106.681.599.992
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.208.144.727.179	4.320.624.016.496

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.627.593.427.217	3.760.269.125.589
310	I. Nợ ngắn hạn		3.402.729.943.284	3.689.378.045.616
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	591.161.204.710	631.303.445.913
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		36.131.146.696	35.967.097.041
313	3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	15	67.246.573.366	71.439.459.037
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	788.589.068.260	979.904.992.072
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	1.343.957.302.722	1.353.946.055.975
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	78.551.055.450	58.775.998.462
320	7. Vay ngắn hạn	20	497.093.592.080	558.040.997.116
330	II. Nợ dài hạn		224.863.483.933	70.891.079.973
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	205.067.772.783	50.404.166.823
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	636.217.000	586.217.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	19	19.159.494.150	19.900.696.150
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		580.551.299.962	560.354.890.907
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	580.551.299.962	560.354.890.907
411	1. Vốn cổ phần		287.360.000.000	287.360.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		287.360.000.000	287.360.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(60.038.260.807)	(60.038.260.807)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		353.229.560.769	333.033.151.714
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		333.033.151.714	2.141.135.095.248
421b	- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế kỳ này		20.196.409.055	(1.808.101.943.534)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.208.144.727.179	4.320.624.016.496

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 5 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.145.835.877.428	1.232.483.861.444
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(744.307.931.049)	(736.517.449.743)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		401.527.946.379	495.966.411.701
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	18.359.619.506	11.986.151.472
22	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	(116.373.490.177) (6.631.778.454)	(157.729.942.675) (14.418.635.958)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(108.959.199.397)	(141.925.405.914)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(174.858.628.021)	(192.236.848.044)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.696.248.290	16.060.366.540
31	9. Thu nhập khác	24	184.913.996	745.523.777
32	10. Chi phí khác	24	315.246.769	(1.298.947.978)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		500.160.765	(553.424.201)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.196.409.055	15.506.942.339
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		20.196.409.055	15.506.942.339

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 5 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		20.196.409.055	15.506.942.339
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9,10	32.056.413.467	34.346.211.155
03	Các khoản dự phòng	6,10, 23	105.680.201.146	140.362.346.824
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.087.398.297 (438.030.179)	3.442.649.887 (6.197.554.085)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	23	6.631.778.454	14.418.635.958
06	Chi phí lãi vay			
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		166.214.170.240	201.879.232.078
09	Giảm các khoản phải thu		15.952.199.578	38.852.900.530
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		2.002.253.504	(1.807.738.684)
11	Giảm các khoản phải trả		(85.634.932.526)	(270.956.287.587)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(4.502.325.181)	18.637.299.836
14	Lãi tiền vay đã trả		(6.691.540.463)	(13.615.744.252)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		87.339.825.152	(27.010.338.079)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(7.669.709.530)	(20.775.916.223)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		51.222.463	412.038.454
24	Thu thuần tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		1.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(52.050.000.000)	(190.000.000.000)
27	Tiền lãi đã nhận		332.697.442	7.467.093.654
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(58.335.789.625)	(202.896.784.115)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	20	11.215.030.000	8.990.040.000
33	Tiền thu từ đi vay	20	505.838.101.563	603.271.765.540
34	Tiền trả nợ gốc vay		(566.785.506.599)	(400.438.930.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(49.732.375.036)	211.822.874.940

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ		(20.728.339.509)	(18.084.247.254)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	4	661.033.097.236	1.732.371.924.390
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		611.226.650	213.212.961
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	640.905.340.159	1.714.500.890.097



Hoàng Thị Huệ
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng




Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 5 tháng 5 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06 Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 là 1.496 người (31 tháng 12 năm 2024: 1.519 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tân Thuận số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 cho thời hạn thuê đến ngày 23 tháng 9 năm 2041. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 năm
Máy móc và thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Công ty có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Chi phí nghiên cứu và triển khai (tiếp theo)

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ

Công ty ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng (website) và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển thì được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc và bao gồm:

Trò chơi và phần mềm dở dang

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản dở dang

Tài sản dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc mua sắm tài sản và xây dựng dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt thiết bị và các chi phí phát sinh trực tiếp khác cho đến khi tài sản được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Công ty không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi tài sản sẵn sàng để đưa vào sử dụng.

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm với mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong báo cáo tài chính riêng, do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu trò chơi trực tuyến

Công ty phân phối các trò chơi trực tuyến, bao gồm các trò chơi mà Công ty tự phát triển và các trò chơi được cấp phép bởi các nhà phát triển trò chơi khác, thông qua máy tính cá nhân (PC), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc trình duyệt web và các cửa hàng ứng dụng điện tử cho phép người chơi được chơi miễn phí hoặc có trả phí. Trong các trò chơi này, người chơi có thể mua tiền ảo và dùng tiền ảo để mua hàng hóa ảo hoặc có thể mua hàng hóa ảo trực tiếp ("vật phẩm ảo") để nâng cao trải nghiệm cho người chơi. Công ty ghi nhận doanh thu chưa thực hiện khi nhận được tiền từ việc người chơi mua trực tiếp tiền ảo hoặc vật phẩm ảo, hoặc khi người chơi sử dụng thẻ nạp tiền để mua tiền ảo hoặc vật phẩm ảo.

Theo các thỏa thuận cấp phép với các nhà phát triển trò chơi trực tuyến, trong trường hợp Công ty chịu trách nhiệm kiểm soát, vận hành và bảo trì trò chơi, bao gồm việc duy trì đội ngũ vận hành và bảo mật, môi trường thử nghiệm và dịch vụ khách hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở gộp. Phí bản quyền trả cho nhà phát triển trò chơi (dựa trên tỷ lệ chia sẻ doanh thu) được ghi nhận vào giá vốn khi phát sinh. Trong trường hợp ngược lại, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần, tức là, sau khi trừ đi phí bản quyền.

Đối với trò chơi trực tuyến, nghĩa vụ thực hiện của Công ty được xác định khi Công ty tạo ra trò chơi và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trò chơi diễn ra xuyên suốt cho người chơi. Khi đó, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện được hoàn tất. Với mục đích xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Công ty đã xem xét đến một số yếu tố bao gồm: tính chất của từng trò chơi, tính chất của vật phẩm ảo được bán, cách bán vật phẩm ảo và tầm quan trọng của chúng đối với người chơi.

Hàng quý, Công ty ước tính thời gian chơi trung bình của người chơi cho mỗi trò chơi trực tuyến dựa trên "tỷ lệ rời bỏ" bằng cách sử dụng nhiều điểm dữ liệu trong ba tháng của quý. Để tính toán tỷ lệ rời bỏ, Công ty xác định số lượng người chơi thực hiện thanh toán vào tháng đầu tiên của mỗi quý và theo dõi hành vi của người chơi để xác định tỷ lệ rời bỏ tiếp theo của những người chơi, tức là, số lượng người chơi không đăng nhập vào trò chơi trong hai tháng tiếp theo của quý. Công ty xác định rằng một người chơi sẽ "rời bỏ" nếu thanh toán vào tháng đầu tiên của quý nhưng không quay lại chơi trò chơi trong những tháng còn lại của quý đó. Đối với vài trò chơi trực tuyến riêng biệt, hoặc khi một trò chơi mới được ra mắt và chỉ có một khoảng thời gian giới hạn về dữ liệu người chơi trả tiền, Công ty sẽ xem xét các yếu tố khác để ước tính thời gian chơi của người chơi, chẳng hạn như thời gian chơi ước tính của người chơi các trò chơi khác có đặc điểm tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu trò chơi trực tuyến (tiếp theo)

Mặc dù Công ty tin rằng các ước tính là hợp lý dựa trên thông tin về người chơi trò chơi trực tuyến có sẵn tại mỗi thời điểm, nhưng thời gian chơi trung bình ước tính có thể được điều chỉnh nếu đặc điểm của người chơi trò chơi thay đổi. Việc điều chỉnh doanh thu phát sinh từ việc thay đổi ước tính về thời gian chơi trung bình trong một quý nhất định sẽ được hạch toán tương ứng như một thay đổi trong ước tính kế toán. Sự thay đổi như vậy là kết quả của thông tin mới về mô hình hành vi của người chơi trò chơi trực tuyến.

Công ty cung cấp nhiều phương thức để người dùng thanh toán các vật phẩm ảo trong trò chơi, bao gồm nền tảng ZaloPay, chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thanh toán thông qua điện thoại di động, thẻ trả trước do chính Công ty bán thông qua các đại lý và các cổng thanh toán trực tuyến khác.

Đối với doanh thu nhận được thông qua nền tảng điện thoại di động, giá giao dịch là tổng số tiền mà Công ty tính cho người chơi vì Công ty là chủ thể trong giao dịch này. Công ty kiểm soát dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến cho người chơi và có thỏa thuận hợp đồng trực tiếp với người chơi trả tiền. Phí nền tảng và phí xử lý thanh toán được ghi nhận là giá vốn.

Đối với doanh thu nhận được thông qua các kênh phân phối khác (ví dụ như thông qua đại lý, công ty viễn thông và nền tảng trực tuyến), Công ty cũng là chủ thể trong các giao dịch này. Công ty ghi nhận doanh thu theo số tiền nhận được từ nhà phân phối. Các nhà phân phối này có thể chọn thay đổi mức giá mà Công ty yêu cầu bằng cách đưa ra chiết khấu hoặc các ưu đãi khác cho người chơi. Công ty không nhận được thông tin từ các nhà phân phối này về số tiền giảm giá, hoặc ưu đãi, hoặc số tiền thực tế mà người chơi thanh toán.

Công ty ghi nhận chi phí cho các kênh thanh toán là chi phí phát sinh gia tăng, nhất quán với cách ghi nhận doanh thu tương ứng. Đối với những trò chơi trực tuyến, trong đó các yếu tố cho thấy trải nghiệm chơi trò chơi và môi trường ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn là vật phẩm ảo được bán, thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận theo thời gian chơi trung bình ước tính của người chơi. Đối với những trò chơi trong đó các yếu tố cho thấy vật phẩm ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn trải nghiệm chơi trò chơi thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận trên cơ sở nhất quán với doanh thu liên quan.

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Công ty, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

Dịch vụ công nghệ tài chính và các dịch vụ đầu tư dài hạn khác

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Khi cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở tổng số tiền thu được trừ đi phần doanh thu chưa thực hiện là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số tiền chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó sẽ được ghi nhận khi đã thực hiện nghĩa vụ với khách hàng hoặc khách hàng không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng dịch vụ miễn phí.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	312.159.986	634.144.916
Tiền gửi ngân hàng (*)	365.593.180.173	660.398.952.320
Các khoản tương đương tiền (**)	275.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	640.905.340.159	661.033.097.236

(*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, một phần tiền gửi ngân hàng đang bị giới hạn giao dịch liên quan đến việc rà soát pháp lý được thực hiện bởi cơ quan chức năng tại Việt Nam.

(**) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động đến 4,3%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm, và hưởng lãi suất dao động đến 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu khách hàng	99.168.966.833	99.746.982.694
Apple INC.	44.283.390.611	59.006.579.192
Google INC.	10.362.566.191	16.975.732.700
Phải thu khách hàng khác	44.523.010.031	23.764.670.802
Phải thu các bên liên quan	108.827.335.596	222.457.706.797
TỔNG CỘNG	207.996.302.429	322.204.689.491
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.222.143.244)	(1.176.711.904)
GIÁ TRỊ THUẦN	206.774.159.185	321.027.977.587

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	162.187.307.269	106.679.190.285
Tạm ứng góp vốn vào công ty con	125.000.000.000	79.000.000.000
Chi hộ	25.331.568.920	18.556.589.647
Tạm ứng cho nhân viên	9.946.697.211	8.413.626.666
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	781.883.776	480.000.000
Tiền lãi phải thu	283.084.246	228.973.972
Phải thu khác	844.073.116	-
Dài hạn – Đặt cọc	4.563.590.487	4.773.590.487
TỔNG CỘNG	166.750.897.756	111.452.780.772

8. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	4.476.454.945	-	5.245.576.276	-
Hàng khuyến mãi	2.494.519.801	(933.385.025)	3.727.651.974	(933.385.025)
TỔNG CỘNG	6.970.974.746	(933.385.025)	8.973.228.250	(933.385.025)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Thiết bị khác	Tổng cộng
						VND
Nguyên giá:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	655.391.075.259	5.727.224.683	45.959.108.984	136.011.953.893	50.082.108.478	893.171.471.297
Thanh lý	-	-	-	(147.362.727)	(30.772.000)	(178.134.727)
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	655.391.075.259	5.727.224.683	45.959.108.984	135.864.591.166	50.051.336.478	892.993.336.570
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(163.911.897.095)	(5.727.224.683)	(38.550.001.533)	(124.280.332.857)	(49.312.794.023)	(381.782.250.191)
Khấu hao trong kỳ	(7.695.394.229)	-	(1.647.387.236)	(3.427.223.068)	(81.334.668)	(12.851.339.201)
Thanh lý	-	-	-	147.362.727	30.772.000	178.134.727
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	(171.607.291.324)	(5.727.224.683)	(40.197.388.769)	(127.560.193.198)	(49.363.356.691)	(394.455.454.665)
Giá trị còn lại:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	491.479.178.164	-	7.409.107.451	11.731.621.036	769.314.455	511.389.221.106
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	483.783.783.935	-	5.761.720.215	8.304.397.968	687.979.787	498.537.881.905
Trong đó:						
Tài sản sử dụng làm tài sản đảm bảo	483.783.783.935	-	-	-	-	483.783.783.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Phần mềm	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	736.260.165.292	2.337.121.864	738.597.287.156
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	254.730.000	-	254.730.000
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	736.514.895.292	2.337.121.864	738.852.017.156
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(651.429.027.417)	(2.337.121.864)	(653.766.149.281)
Khấu hao trong kỳ	(19.205.074.266)	-	(19.205.074.266)
Dự phòng tổn thất tài sản	391.623.643	-	391.623.643
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	(670.242.478.040)	(2.337.121.864)	(672.579.599.904)
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	84.831.137.875	-	84.831.137.875
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	66.272.417.252	-	66.272.417.252

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	53.569.980.825	46.091.610.825

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		VND
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	6.934.812.611.378	6.843.762.611.378
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	1.261.649.300.772	1.261.649.300.772
TỔNG CỘNG	8.196.461.912.150	8.105.411.912.150
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(5.913.529.551.087)	(5.807.503.157.638)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.282.932.361.063	2.297.908.754.512

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty Cổ phần Zion	99,999	5.589.651.547.562	99,999	5.549.651.547.562	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Ví Na ("VinaData") (*)	99,989	898.100.000.000	99,989	898.100.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin
Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Ví Na	99,50	124.073.818.913	99,50	124.073.818.913	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông, thương mại điện tử
Công ty TNHH Verichains	100,00	114.502.400.000	100,00	114.502.400.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG	100,00	60.000.000.000	100,00	60.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
Công ty Cổ phần Công nghệ EPI	100,00	51.433.844.903	100,00	51.433.844.903	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang web, phần mềm và các công nghệ truyền thông
Công ty TNHH VNG Online Việt Nam	100,00	40.000.000.000	100,00	1.000.000.000	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công thông tin và sản xuất phần mềm các loại

11/7/2025 10:11

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty TNHH ZIE	100,00	20.000.000.000	100,00	20.000.000.000	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và phân phối trò chơi trực tuyến
Công ty Cổ phần A4B	69,80	15.001.000.000	69,80	15.001.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
Công ty TNHH 2MOREBITS	100,00	12.000.000.000	-	-	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm
Công ty TNHH Zingplay Việt Nam	100,00	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Sản xuất và phân phối trò chơi trực tuyến
Công Ty TNHH Zalo Platforms	100,00	50.000.000	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin
Quỹ Kiến tạo Ước mơ	100,00	-	100,00	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quỹ xã hội, tổ chức phi lợi nhuận
TỔNG CỘNG		6.934.812.611.378		6.843.762.611.378		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.097.759.246.518)		(4.991.732.853.069)		
GIÁ TRỊ THUẬN		1.837.053.364.860		1.852.029.758.309		

(*) 40.000.000 (bốn mươi triệu) cổ phần của VinaData được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND
Telio Pte., Ltd.	16,55	515.273.409.170	16,55	515.273.409.170
Funding Asia Group Pte. Ltd.	3,4	284.746.435.385	3,4	284.746.435.385
Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH	35,00	180.000.000.000	35,00	180.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck	23,94	143.509.456.217	23,94	143.509.456.217
Công ty Cổ phần DayOne Holding	22,46	138.120.000.000	22,46	138.120.000.000
TỔNG CỘNG		1.261.649.300.772		1.261.649.300.772
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(815.770.304.569)		(815.770.304.569)
GIÁ TRỊ THUẦN		445.878.996.203		445.878.996.203

Telio Pte., Ltd. ("Telio")

Telio được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp 201902507W ngày 21 tháng 1 năm 2019. Telio có trụ sở chính tại 10 Anson Road, #16-04, International Plaza, Singapore 079903. Hoạt động chính của Telio là công ty đầu tư.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty nắm giữ 16,55% quyền sở hữu của Telio, Công ty có quyền chỉ định một (1) trên ba (3) người của Ban Giám đốc và có ảnh hưởng đáng kể trong Telio.

Funding Asia Group Pte. Ltd. ("Funding Asia")

Funding Asia được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp 201537647E vào ngày 14 tháng 10 năm 2015. Funding Asia có trụ sở chính tại 112 Robinson Road, #08-01, Robinson 112, Singapore 068902. Hoạt động chính của Funding Asia là công ty đầu tư.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty nắm giữ 3,4% quyền sở hữu của Funding Asia, Công ty có quyền chỉ định một (1) trên chín (9) người của Ban Giám đốc và có ảnh hưởng đáng kể trong Funding Asia.

Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")

VTH được thành lập theo GCNĐKKD số 0317484078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 9 năm 2022. VTH có trụ sở chính tại Z06 Đường 13, KCN trong KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của VTH là đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; cho thuê văn phòng.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty nắm giữ 35% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng của VTH.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")

Ecotruck được thành lập theo GCNĐKKD số 0314715626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 03 tháng 11 năm 2017. Ecotruck có trụ sở chính tại Số 139/1A đường Phan Đăng Lưu, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Ecotruck là sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty nắm giữ 23,94% quyền sở hữu và quyền biểu quyết của Ecotruck.

Công ty Cổ phần DayOne Holding ("DayOne Holding")

Vào ngày 28 tháng 11 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc hoán đổi khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần DayOne ("DayOne") thành đầu tư vào DayOne Holding. DayOne Holding được thành lập theo GCNĐKKD số 0318506038 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 6 năm 2024. DayOne Holding có trụ sở chính tại Số 102 đường Nguyễn Đình Chính, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DayOne Holding là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty nắm giữ 22,46% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng của DayOne Holding.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	149.877.450.058	145.540.150.458
Chi phí kênh phân phối	63.796.142.936	58.022.366.330
Phí phần mềm	61.824.489.618	62.792.167.717
Chi phí dịch vụ trả trước	13.870.327.574	21.471.865.274
Bản quyền âm nhạc	10.019.443.477	2.002.458.465
Khác	367.046.453	1.251.292.672
Dài hạn	106.846.625.573	106.681.599.992
Tiền thuê đất trả trước (*)	71.553.094.023	72.691.266.249
Công cụ, dụng cụ	13.469.927.745	16.515.027.890
Chi phí kênh phân phối	10.828.076.879	2.514.203.554
Chi phí sửa chữa văn phòng	6.812.286.219	8.586.265.919
Bản quyền âm nhạc	3.598.645.114	5.563.858.740
Khác	584.595.593	810.977.640
TỔNG CỘNG	256.724.075.631	252.221.750.450

(*) Tiền thuê đất trả trước được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả người bán	217.372.224.258	249.666.951.988
Seasun Games Corporation Limited	139.512.395.954	75.618.901.043
Phải trả người bán khác	77.859.828.304	174.048.050.945
Phải trả các bên liên quan	373.788.980.452	381.636.493.925
TỔNG CỘNG	591.161.204.710	631.303.445.913

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Thuế nhà thầu nước ngoài	34.621.218.440	23.285.639.078
Thuế giá trị gia tăng	27.660.701.032	41.796.531.040
Thuế thu nhập cá nhân	4.964.653.894	6.357.288.919
TỔNG CỘNG	67.246.573.366	71.439.459.037

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phí phần mềm	430.080.099.457	561.429.527.008
Chi phí lương	67.722.553.507	172.919.237.120
Chi phí quảng cáo	63.719.630.197	16.175.710.304
Chi phí thuê chỗ và cước đường truyền	10.869.421.889	10.022.580.358
Chi phí phải trả khác	216.197.363.210	219.357.937.282
TỔNG CỘNG	788.589.068.260	979.904.992.072

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	1.343.957.302.722	1.353.946.055.975
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.190.822.327.722	1.227.922.756.454
Dịch vụ giá trị gia tăng cho người dùng	81.633.854.632	52.132.491.724
Dịch vụ quảng cáo	43.218.403.114	45.563.818.364
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	12.043.660.196	12.046.114.194
Khác	16.239.057.058	16.280.875.239
Dài hạn	205.067.772.783	50.404.166.823
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	204.972.386.015	50.308.780.055
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	89.942.993	89.942.993
Khác	5.443.775	5.443.775
TỔNG CỘNG	1.549.025.075.505	1.404.350.222.798

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	78.551.055.450	58.775.998.462
Đặt cọc mua cổ phần	40.351.100.000	29.136.070.000
Thuế nhà thầu nước ngoài	35.158.621.415	26.668.350.889
Kinh phí công đoàn	2.648.169.731	1.542.848.502
Phải trả khác	393.164.304	1.428.729.071
Dài hạn - Nhận đặt cọc	636.217.000	586.217.000
TỔNG CỘNG	79.187.272.450	59.362.215.462

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn khác thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.11.

20. VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 3 năm 2025
Vay ngắn hạn (*)	558.040.997.116	505.838.101.563	(566.785.506.599)	497.093.592.080

(*) Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại để bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2025 (VND)	Kỳ trả hạn gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	497.093.592.080	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025	5.5	Tín chấp

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	287.360.000.000	(60.038.260.807)	2.141.135.095.248	2.368.456.834.441
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	15.506.942.339	15.506.942.339
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2024	287.360.000.000	(60.038.260.807)	2.156.642.037.587	2.383.963.776.780
Năm nay:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	287.360.000.000	(60.038.260.807)	333.033.151.714	560.354.890.907
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	20.196.409.055	20.196.409.055
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025	287.360.000.000	(60.038.260.807)	353.229.560.769	580.551.299.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	919.692.510.864	1.040.534.406.869
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	919.692.510.864	1.040.534.406.869
Dịch vụ thông báo Zalo	71.018.257.583	48.868.710.581
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	55.526.846.235	116.990.933.566
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	16.127.212.427	11.681.668.682
Dịch vụ cho thuê	7.249.802.718	10.752.272.727
Khác	76.221.247.601	3.655.869.019
TỔNG CỘNG	1.145.835.877.428	1.232.483.861.444

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	6.682.014.949	5.705.715.901
Tiền lãi	386.807.716	6.280.435.571
Cổ tức và lợi nhuận được chia	11.290.796.841	-
TỔNG CỘNG	18.359.619.506	11.986.151.472

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	106.026.393.449	136.985.674.705
Chi phí lãi vay	6.631.778.454	14.418.635.958
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.627.919.974	2.882.982.125
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.087.398.300	3.442.649.887
TỔNG CỘNG	116.373.490.177	157.729.942.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Thu nhập khác	184.913.996	745.523.777
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ	108.849.907	395.515.660
Thu nhập khác	76.064.089	350.008.117
Chi phí khác	315.246.769	(1.298.947.978)
Hoàn nhập (dự phòng) tổn thất tài sản	391.623.643	(767.589.027)
Lỗ do xóa sổ tài sản	-	(478.397.146)
Chi phí khác	(76.376.874)	(52.961.805)
LỢI NHUẬN (LỖ) THUẦN KHÁC	500.160.765	(553.424.201)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.108.764.678	392.917.550.964
Chi phí bản quyền phần mềm	329.496.947.754	321.225.764.770
Chi phí nhân viên	311.978.887.932	303.161.592.339
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	32.056.413.467	34.346.211.155
Chi phí khác	17.484.744.636	19.028.584.473
TỔNG CỘNG	1.028.125.758.467	1.070.679.703.701

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 5 tháng 5 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VNG
VNG CORPORATION

Số: 67/2025/CV-VNG

V/v giải trình số liệu trên BCTC riêng Quý

1/2025

Ref: The explanation in the Separate FS

1st quarter of 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

Tp. HCM, ngày 5 tháng 5 năm 2025

Ho Chi Minh City, 5/5/2025

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
To - State Securities Commission of Viet Nam
- Hanoi Stock Exchange

- Tên tổ chức giao dịch/ Trading name of organization, company: Công Ty Cổ phần VNG ("VNG"/ "Công ty")/ VNG CORPORATION ("VNG"/ the "Company")
- Mã chứng khoán/ Securities code: VNZ
- Trụ sở chính/Address: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh/ Z06, Street 13, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City
- Nội dung/Content:

VNG xin được giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước trên Báo cáo tài chính ("BCTC") riêng Quý 1/2025, chi tiết như sau:

VNG would like to provide an explanation regarding the change of 10% or more in profit after income tax for the reporting period compared to the same period of the previous year, as presented in the separate financial statements ("FS") for Q1/2025, as follows:

VND

Chỉ tiêu/Items	Quý I/ 1 st Quarter			
	Năm nay/ Current Year	Năm trước/ Previous Year	Chênh lệch/ Variance	Chênh lệch/ %
Lợi nhuận sau thuế TNDN Profit after CIT	20.196.409.055	15.506.942.339	4.689.466.716	30.24%

Nguyên nhân/Reason:

Mặc dù doanh thu dịch vụ giảm 87 tỷ chủ yếu từ doanh thu dịch vụ trò chơi trực tuyến nhưng lợi nhuận sau thuế TNDN tăng so với cùng kỳ năm trước nhờ Công ty đã quản lý chi phí hoạt động kinh doanh và vận hành một cách hiệu quả. Cụ thể, hoạt động marketing và chi phí quản lý Công ty đã giảm 50 tỷ so với cùng kỳ năm trước, chi phí tài chính giảm 41 tỷ chủ yếu từ giảm dự phòng đầu tư. Ngoài ra, trong Quý 1/2025 Công ty có ghi nhận khoản thu nhập tài chính từ cổ tức nhận được từ công ty liên kết 11 tỷ cũng góp phần làm tăng LNST của Công ty.



Although revenue decreased by VND 87 billion, mainly due to a decline in online game service revenue, the Company's profit after corporate income tax increased compared to the same period last year, due to effective management of business and operating expenses. Specifically, marketing and general expenses were reduced by VND 50 billion compared to the same period last year and financial expenses decreased by VND 41 billion mainly due to a reduction in investment provisions. Additionally, during 1st Quarter of 2025, the Company recorded financial income of 11 billion from dividends received from its associate, which also contributed to the Company's increase in profit after tax.

Công ty Cổ phần VNG giải trình đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và Quý Cổ đông được biết.

VNG Corporation hereby submits this explanation to the State Securities Commission, the Hanoi Stock Exchange, and our esteemed shareholders for your reference.

Nơi nhận/Recipient:

- Như trên/as above;
- Lưu VT/For record-keeping

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
Disclosure Information Authorized Person



TAN WEI MING

